



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÚT KẸO HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh mút kẹo Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lê Văn Đạt	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Dương Ngọc Tuyết	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Xuân Thu	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Vương Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Số: 159 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29/03/2019, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty có 2 chi nhánh hạch toán độc lập là Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO (sau đây gọi tắt là “Trung tâm PACCO” và Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh (sau đây gọi tắt là “Khách sạn Việt Linh”).

- Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty không cộng hợp số liệu của chi nhánh PACCO do chi nhánh này đang hoàn tất các thủ tục giải thể.
- Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, Khách sạn Việt Linh đã gửi báo cáo tài chính năm 2018 (chưa kiểm toán) cho Công ty. Công ty chưa xác định được tính hiện hữu, đầy đủ, chính xác của các số dư trên bảng cân đối kế toán cũng như trách nhiệm về khoản lãi trên báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 nên Công ty chưa cộng hợp số liệu báo cáo tài chính của chi nhánh này.

Văn phòng Hồ Chí Minh

Lầu 6, tòa nhà HUD, số 159 Điện Biên Phủ
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn phòng Đồng Nai

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560
Fax: (84-251) 382 8560

Văn phòng Hải Phòng


499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-225) 353 4655
Fax: (84-225) 353 4316


BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0043-2016-156-1


Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0917-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		45.905.453.404	43.268.644.469
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	25.303.076.756	28.646.971.429
1. Tiền	111		5.803.076.756	3.646.971.429
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.500.000.000	25.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.828.918.623	2.461.454.986
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	4.846.556.718	4.581.042.728
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		887.422.700	1.013.095.250
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	2.181.761.988	275.221.881
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(5.086.822.783)	(3.407.904.873)
III. Hàng tồn kho	140	8	16.548.419.240	10.768.999.127
1. Hàng tồn kho	141		16.548.419.240	10.768.999.127
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.225.038.785	1.391.218.927
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	119.085.000	12.690.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		859.783.365	691.717.027
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	9	246.170.420	686.811.900
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)	200		33.662.357.808	36.182.161.495
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.560.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		10.560.000	-
II. Tài sản cố định	220		21.468.939.869	23.545.287.943
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	21.468.939.869	23.545.287.943
- Nguyên giá	222		65.638.810.714	64.802.551.594
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.169.870.845)	(41.257.263.651)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		47.986.364	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		47.986.364	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		385.256.770	600.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	11	600.000.000	600.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(214.743.230)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.749.614.805	12.036.873.552
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	11.749.614.805	12.036.873.552
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		79.567.811.212	79.450.805.964

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2018


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		28.625.186.023	30.661.675.738
I. Nợ ngắn hạn	310		20.034.277.303	22.070.767.018
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	9.170.121.727	6.320.628.983
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		208.304.782	17.787.680
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	1.632.685.185	324.479.868
4. Phải trả người lao động	314		3.937.199.263	9.077.604.093
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		169.797.384	125.746.841
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	2.096.375.651	5.215.248.843
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.510.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.309.793.311	989.270.710
II. Nợ dài hạn	330		8.590.908.720	8.590.908.720
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	15	8.590.908.720	8.590.908.720
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.942.625.189	48.789.130.226
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	50.942.625.189	48.789.130.226
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.500.000.000	17.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.500.000.000	17.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.581.227.440	13.330.639.924
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.861.397.749	17.958.490.302
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.779.489.985	12.946.739.985
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.081.907.764	5.011.750.317
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		79.567.811.212	79.450.805.964


Lê Thị Mai Phương
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng




Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		120.627.129.929	107.266.134.973
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		158.582.908	422.893.927
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	17	120.468.547.021	106.843.241.046
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	18	80.451.859.353	76.089.747.806
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		40.016.687.668	30.753.493.240
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.133.184.668	947.651.821
7. Chi phí tài chính	22		214.743.230	-
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Lãi (lỗ) trong công ty liên kết liên doanh	24		-	-
7. Chi phí bán hàng	25	20	19.262.525.331	14.338.282.119
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	13.999.637.530	11.496.738.153
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		7.672.966.245	5.866.124.789
10. Thu nhập khác	31		3.393.179.963	427.344.983
11. Chi phí khác	32		11.502	281.874
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.393.168.461	427.063.109
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.066.134.706	6.293.187.898
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	2.234.226.942	1.281.437.581
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		8.831.907.764	5.011.750.317
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	4.542	2.577


Lê Thị Mai Phương
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	138.728.245.925	116.454.952.934
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(88.329.973.729)	(67.760.289.612)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(33.830.850.146)	(28.004.281.554)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(731.437.581)	(1.427.525.673)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.485.791.847	3.690.912.294
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(15.897.084.582)	(12.875.327.212)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	3.424.691.734	10.078.441.177
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(836.259.120)	(153.599.325)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	884.351.213	927.259.428
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	48.092.093	773.660.103
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.816.678.500)	(1.439.742.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.816.678.500)	(1.439.742.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.343.894.673)	9.412.358.780
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	28.646.971.429	19.234.612.649
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	25.303.076.756	28.646.971.429


Lê Thị Mai Phương
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng


Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế số 0100103601, đăng ký lần đầu ngày 10/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 08 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Số 54A, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 187 người (tại ngày 31/12/2017 là 197 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất ca cao, socola và mứt kẹo;
- Sản xuất các món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Kinh doanh các loại bánh, mứt, kẹo;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Các ngành nghề khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Danh sách công ty liên kết:

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao	28 Hàng Ngang, P. Hàng Đào, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	20%	20%	20%

Danh sách các chi nhánh/địa điểm kinh doanh của Công ty

Chi nhánh/Địa điểm kinh doanh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO (i)	28 Hàng Ngang, P. Hàng Đào, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh (i)	Số 3B, Phố Chả Cá, P. Hàng Đào, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Nhà máy Sản xuất Bánh Mứt Kẹo (ii)	Lô CN5, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, X. Phùng Xá, H. Thạch Thất, Hà Nội
Cửa hàng Bán và Giới thiệu sản phẩm - Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (ii)	Số 1, ngách 18/10 Huỳnh Thúc Kháng, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
Cửa hàng Bán và Giới thiệu sản phẩm - Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (ii)	Số 10, phố Quán Thánh, P. Quán Thánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Ghi chú:

- (i) Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội – Trung tâm PACCO đang hoàn tất các thủ tục để giải thể. Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội – Trung tâm PACCO và Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo – Khách sạn Việt Linh là các đơn vị hạch toán độc lập.
- (ii) Là các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,

b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành, cụ thể: Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất trả một lần và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước là tiền thuê đất trả một lần được phân bổ vào Báo cáo kết quả kinh doanh theo thời gian thuê đất

3/3/1
ÔN
TN
EM
VA
Y P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước (Tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Điều lệ của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

986
G T
HH
TOÁ
CC
10 Y

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.159.031.651	1.082.207.650
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.644.045.105	2.564.763.779
Các khoản tương đương tiền	19.500.000.000	25.000.000.000
	<u>25.303.076.756</u>	<u>28.646.971.429</u>

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH SX &TM Đại Hoàng Nam	1.277.373.145	1.277.373.145
Công ty TNHH Thực phẩm Cavico	845.827.777	773.995.962
Nguyễn Gia Điệp	422.879.976	422.879.976
Đào Hồng Thanh	468.912.632	468.912.632
Công ty TNHH Thương mại Thăng Hà	348.194.881	348.194.881
Công ty TNHH Tuấn Thu	306.230.883	306.230.883
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội	299.479.247	-
- Khách sạn Việt Linh - bên liên quan		
Công ty TNHH CNP Minh Quân	183.841.988	183.841.988
Bùi Văn Chính	106.937.435	106.937.435
Công ty Cổ phần Nhất Nam	60.238.928	78.229.065
Các đối tượng khác	526.639.826	614.446.761
	<u>4.846.556.718</u>	<u>4.581.042.728</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn khác	2.181.761.988	-	275.221.881	-
Tạm ứng	155.400.000	-	50.665.000	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác	2.016.361.988	-	214.556.881	-
- Tiền thuê đất	1.581.929.225	-	90.920.470	-
- Lãi dự thu	372.469.866	-	123.636.411	-
- Khác	61.962.897	-	-	-

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH SX & TM Đại Hoàng Nam	1.277.373.145	-	1.277.373.145	-
Đào Hồng Thanh	468.912.632	-	468.912.632	-
Nguyễn Gia Điệp	422.879.976	-	422.879.976	-
Công ty TNHH Thương mại Thăng Hà	348.194.881	-	348.194.881	-
Công ty TNHH Tuấn Thu	306.230.883	-	306.230.883	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh - bên liên	1.762.254.649	83.336.739	-	-
Các đối tượng khác	584.313.356	-	584.313.356	-
	5.170.159.522	83.336.739	3.407.904.873	-

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.473.765.358	-	7.560.651.905	-
Công cụ, dụng cụ	236.357.781	-	-	-
Thành phẩm	4.563.596.594	-	519.440.072	-
Hàng hoá	3.043.265.294	-	2.527.571.259	-
Hàng gửi đi bán	231.434.213	-	161.335.891	-
	16.548.419.240	-	10.768.999.127	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

a) Phải thu	Số đầu năm	Số phải phải	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	VND	nộp trong năm VND	trong năm VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	235.852.291	7.204.976.375	7.215.294.504	246.170.420
Thuế thu nhập doanh nghiệp	450.959.609	450.959.609	-	-
	686.811.900	7.655.935.984	7.215.294.504	246.170.420
b) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	VND	trong năm VND	trong năm VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.783.267.333	731.437.581	1.051.829.752
Thuế thu nhập cá nhân	12610000	831.058.424	691.353.206	152.315.218
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	261336751	1.410.582.617	1.293.912.270	378.007.098
Các loại thuế khác	50533117	6.000.000	6.000.000	50.533.117
	324.479.868	4.030.908.374	2.722.703.057	1.632.685.185

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận	Thiết bị, dụng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	38.020.299.268	18.648.719.458	7.536.119.224	597.413.644	64.802.551.594
Mua trong năm	314.519.120	521.740.000	-	-	836.259.120
Số dư cuối năm	38.334.818.388	19.170.459.458	7.536.119.224	597.413.644	65.638.810.714
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Số dư đầu năm	15.953.583.698	18.148.999.674	6.557.266.635	597.413.644	41.257.263.651
Khấu hao trong năm	2.403.662.454	255.481.880	253.462.860	-	2.912.607.194
Số dư cuối năm	18.357.246.152	18.404.481.554	6.810.729.495	597.413.644	44.169.870.845
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	22.066.715.570	499.719.784	978.852.589	-	23.545.287.943
Số dư cuối năm	19.977.572.236	765.977.904	725.389.729	-	21.468.939.869

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 26.440.995.309 VND (tại ngày 31/12/2017 là 25.865.780.763 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc	Giá trị dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	600.000.000	(214.743.230)	600.000.000	-

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm 31/12/2018 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần thời trang quốc tế Ngôi sao theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2611/HDHTKD ngày 26/11/2015, tỷ lệ vốn góp là 20%. Công ty chịu trách nhiệm hỗ trợ các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan đến hoạt động kinh doanh của pháp nhân mới, trợ giúp các thủ tục để pháp nhân mới trực tiếp ký hợp đồng thuê trụ sở với cơ quan, tổ chức hữu quan theo quy định của pháp luật và hợp đồng thuê nhà đất hiện hành, được hưởng 20% lợi nhuận sau thuế và được quyền thoái toàn bộ vốn góp nêu trên tại bất kỳ thời điểm nào mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của pháp nhân mới. Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần thời trang quốc tế Ngôi sao tại ngày 31/12/2018 để đánh giá về việc liệu giá trị khoản đầu tư vào Công ty này có bị suy giảm hay không.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý tại ngày cuối năm do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ

Trong năm, Công ty trích lập dự phòng khoản đầu tư và Công ty liên doanh, liên kết theo Báo cáo tài chính chưa kiểm toán năm 2017 của Công ty này.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	119.085.000	12.690.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	12.690.000
Tiền thuê nhà	119.085.000	
Dài hạn	11.749.614.805	12.036.873.552
Tiền thuê đất (i)	11.232.354.804	11.535.931.960
Chi phí công cụ, dụng cụ	249.144.232	220.257.857
Chi phí sửa chữa	268.115.769	280.683.735

Ghi chú:

- (i) Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê trả một lần với diện tích 23.390 m2 đất thuê lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hà Tây để xây dựng nhà máy sản xuất ở Lô CN5, Khu Công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, Xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất, Hà Nội theo hợp đồng thuê lại đất số 09/HDTLD-HT ngày 28/09/2007, thời gian thuê từ 30/01/2008 đến 13/01/2056.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Quản lý & Phát triển Nhà Hà Nội	2.744.072.717	2.744.072.717	2.796.694.421	2.796.694.421
Công ty TNHH Bao bì Việt Thắng	1.063.999.370	1.063.999.370	-	-
Doanh nghiệp tư nhân Quốc Anh	530.316.790	530.316.790	-	-
Công ty TNHH Phát Việt	443.610.000	443.610.000	160.600.000	160.600.000
Công ty TNHH TM Trúc Hương - Bến Tre	432.062.500	432.062.500	405.450.000	405.450.000
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	429.000.000	429.000.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại In Bao bì Tuấn Bằng	374.470.000	374.470.000	73.012.500	73.012.500
Bà Trần Thị Thò	324.099.191	324.099.191	139.227.300	139.227.300
Công ty TNHH Nhựa Đức Anh	264.725.295	264.725.295	73.507.880	73.507.880
Công ty CP Thành Công Hà Nội	253.933.310	253.933.310	251.060.480	251.060.480
Công ty TNHH Mai Phương	239.512.520	239.512.520	325.835.510	325.835.510
Từ Văn Khôi	91.500.000	91.500.000	480.000.000	480.000.000
Công ty TNHH Hebei Omega Foodstuff Machinery	179.801.520	179.801.520	179.801.520	179.801.520
Các đối tượng khác	1.799.018.514	1.799.018.514	1.435.439.372	1.435.439.372
	9.170.121.727	9.170.121.727	6.320.628.983	6.320.628.983

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	523.536.160	338.408.320
Bảo hiểm xã hội	-	459.078.521
Bảo hiểm thất nghiệp	-	244.826.895
Phải trả, phải nộp khác		4.172.935.107
Tiền thuê đất	833.507.001	2.538.432.048
Tiền cổ tức	714.000.000	1.517.250.000
Phải trả, phải nộp khác	25.332.490	117.253.059
	2.096.375.651	5.215.248.843

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	8.590.908.720	8.590.908.720
Doanh thu cho thuê nhận trước từ Công ty CP Tập đoàn Phát triển Thủ Đô (i)	8.590.908.720	8.590.908.720

Ghi chú:

- (i) Là số tiền thu theo Hợp đồng thuê nhà số 178/HĐKT ngày 01/11/2007, Phụ lục Hợp đồng ngày 29/10/2010 và Phụ lục số 2 ngày 22/02/2012 và Hợp đồng thuê nhà ngày 27/4/2012 giữa Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ đô về việc cho thuê toàn bộ khu nhà 36 Bát Đàn và 82 Hàng Gà trên lô đất có diện tích 294,62 m2 để Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ Đô sẽ cải tạo, xây dựng và nâng cấp tòa nhà thành một tòa nhà cao cấp phục vụ mục đích kinh doanh tổng hợp, cho thuê văn phòng; Thời hạn cho thuê là 40 năm tính từ ngày 01/01/2010; Giá thuê là 450 triệu đồng/năm; Thanh toán tiền thuê 5 năm đầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày căn nhà được bàn giao; Trả trước ngay một lần trong năm 2012 tiền thuê trong thời hạn 25 tiếp theo và được miễn tiền thuê trong thời hạn 10 năm sau cùng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	17.500.000.000	12.861.698.239	16.901.273.211	47.262.971.450
Lãi trong năm	-	-	5.011.750.317	5.011.750.317
Phân phối lợi nhuận	-	468.941.685	(3.954.533.226)	(3.485.591.541)
Số dư đầu năm nay	17.500.000.000	13.330.639.924	17.958.490.302	48.789.130.226
Lãi trong năm	-	-	8.831.907.764	8.831.907.764
Phân phối lợi nhuận (i)	-	250.587.516	(5.179.000.317)	(4.928.412.801)
Tạm ứng cổ tức (ii)	-	-	(1.750.000.000)	(1.750.000.000)
Số dư cuối năm	17.500.000.000	13.581.227.440	19.861.397.749	50.942.625.189

Ghi chú:

- (i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 số 06/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/07/2018. Theo đó, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ đầu tư phát triển; chia cổ tức; trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017 và trích quỹ thưởng Ban điều hành với số tiền lần lượt là 501.175.032 VND; 250.587.516 VND; 4.375.000.000 VND; 174.000.000 VND và 52.237.769 VND.
- (ii) Trong năm, Công ty tạm ứng cổ tức kỳ I năm 2018 với tỷ lệ là 10% vốn điều lệ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 11/2018/NQ-HĐQT ngày 20/11/2018. Mức chia cổ tức năm 2018 sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty là 17.500.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, cụ thể như sau:

Cổ phiếu

	Năm nay Cổ phần	Năm trước Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.750.000	1.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.750.000	1.750.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.750.000	1.750.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.750.000	1.750.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.750.000	1.750.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng):	10.000	10.000

17. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.627.129.929	107.266.134.973
Doanh thu bán thành phẩm	118.199.393.376	104.816.567.701
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.427.736.553	2.449.567.272
Các khoản giảm trừ doanh thu	158.582.908	422.893.927
Trong đó:		
Hàng bán bị trả lại	158.582.908	422.893.927
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.468.547.021	106.843.241.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	79.175.548.741	74.795.716.718
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.276.310.612	1.294.031.088
	80.451.859.353	76.089.747.806

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.178.304.702	44.188.700.547
Chi phí nhân công	32.459.043.766	29.124.274.278
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.912.607.194	3.421.394.276
Chi phí dự phòng	1.678.917.910	-
Thuế, phí, lệ phí	769.958.679	754.739.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.834.843.403	3.518.274.927
Chi phí khác bằng tiền	22.127.866.747	15.728.257.064
	122.961.542.401	96.735.640.652

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
a) Các khoản chi phí bán hàng doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí công cụ dụng cụ	-	253.636
Chi phí hoa hồng, quảng cáo, vận chuyển	12.919.282.515	9.834.527.888
Chi phí nhân công	2.001.436.590	2.584.213.371
Chi phí khấu hao TSCĐ	43.748.532	63.634.233
Chi phí dịch vụ mua ngoài	527.789.111	410.865.342
Chi phí bằng tiền khác	3.770.268.583	1.444.787.649
	19.262.525.331	14.338.282.119
b) Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong năm		
Chi phí nhiên liệu, vật liệu, đồ dùng	603.605.535	558.122.420
Chi phí nhân công	5.891.633.124	5.359.235.362
Chi phí dự phòng	1.678.917.910	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	216.581.828	437.329.492
Thuế, phí, lệ phí	684.131.087	613.497.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.248.088.402	1.161.158.814
Chi phí bằng tiền khác	3.676.679.644	3.367.394.566
	13.999.637.530	11.496.738.153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	11.066.134.706	6.293.187.898
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	105.000.000	114.000.000
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	-	-
<i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>105.000.000</i>	<i>114.000.000</i>
Thu nhập chịu thuế	11.171.134.706	6.407.187.898
Thu nhập tính thuế	11.171.134.706	6.407.187.898
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.234.226.942	1.281.437.581
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.234.226.942	1.281.437.581

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Trong năm, Công ty đang tạm xác định phần chi phí không hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số liệu cuối cùng phụ thuộc vào cơ quan thuế có thẩm quyền.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.831.907.764	5.011.750.317
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do dự kiến quỹ khen thưởng,phú	(883.190.776)	(501.175.032)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông phổ thông	7.948.716.988	4.510.575.285
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	1.750.000	1.750.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.542	2.577
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

23. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty giao quyền kinh doanh độc lập cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO và Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh. Các chi nhánh này tự chịu trách nhiệm nộp các nghĩa vụ thuế cho Ngân sách Nhà nước. Đến thời điểm này, Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO đang hoàn tất các thủ tục giải thể. Công ty chưa cộng hợp các số liệu của hai chi nhánh trong Báo cáo tài chính của Công ty. Công ty có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế và pháp lý liên quan đến hai chi nhánh này.

Trong năm, Công ty hạch toán tiền thuê đất vào giá vốn theo đơn giá cũ Công ty ký hợp đồng với các cơ quan chức năng. Đồng thời tại một số địa điểm kinh doanh, chi nhánh khác của Công ty cũng có sự chênh lệch về tiền thuê đất và thuê nhà theo đơn giá mới. Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng về các đơn giá tiền thuê đất và thuê nhà này. Khi có quyết định cuối cùng của các cơ quan chức năng, Công ty sẽ có các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản tiền thuê đất và thuê nhà đã nhận và thu bổ sung để nộp (nếu có) từ các cửa hàng kinh doanh khác và các điều chỉnh vào chi phí của Công ty (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Cuối năm</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	25.303.076.756	28.646.971.429
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	50.942.625.189	48.789.130.226
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.303.076.756	28.646.971.429
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.839.478.623	2.461.454.986
Đầu tư dài hạn	385.256.770	600.000.000
	28.527.812.149	31.708.426.415

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	11.266.497.378	11.535.877.826
Chi phí phải trả	169.797.384	125.746.841
	11.436.294.762	11.661.624.667

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.303.076.756	-	-	25.303.076.756
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.828.918.623	-	10.560.000	2.839.478.623
Đầu tư dài hạn	-	-	385.256.770	385.256.770
	28.131.995.379	-	395.816.770	28.527.812.149
Tại ngày cuối năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	11.266.497.378	-	-	11.266.497.378
Chi phí phải trả	169.797.384	-	-	169.797.384
	11.436.294.762	-	-	11.436.294.762
Chênh lệch thanh khoản ròng	16.695.700.617	-	395.816.770	17.091.517.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.646.971.429	-	-	28.646.971.429
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.461.454.986	-	-	2.461.454.986
Đầu tư dài hạn	-	-	600.000.000	600.000.000
	31.108.426.415	-	600.000.000	31.708.426.415
Tại ngày đầu năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	11.535.877.826	-	-	11.535.877.826
Chi phí phải trả	125.746.841	-	-	125.746.841
	11.661.624.667	-	-	11.661.624.667
Chênh lệch thanh khoản ròng	19.446.801.748	-	600.000.000	20.046.801.748

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm 31/12/2018 ở mức thấp.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Công ty mẹ
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Cùng công ty mẹ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc

Trong năm, ngoài số dư đã trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã có số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu khác		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh	1.497.375.402	-
Phải trả khác		
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	714.000.000	-

Giao dịch chủ yếu với bên liên quan trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh- tiền nhà, đất	2.439.277.588	-
Trả cổ tức		
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	3.123.750.000	1.517.250.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.410.470.000	1.325.519.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	105.000.000	114.000.000

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.




Lê Thị Mai Phương
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng





Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019